

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-7 - 2021

V/v ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Thanh Tùy- Cán hộ hưu trí thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Phạm Xuân Mỹ- Hiệu trưởng trường Dân tộc nội trú huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HPT ngày 28/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1993.

Trú tại: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Tiến M, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Thắm Niê trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Đỗ Tiến M tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/10/2017.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau này, vợ chồng bà thường xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông Mạnh không chăm lo cho gia đình. Bà Lê Thị H đã yêu cầu địa phương hòa giải, đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì con còn nhỏ nên bà H đã

rút đơn đề về đoàn tụ. Tuy nhiên, ông M vẫn không thay đổi nên bà H đã đi làm ăn xa và sống ly thân với ông M từ đầu năm 2020 đến nay. Nhận thấy không thể quay lại để tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Tiến M.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Lê Thị H xác nhận bà và ông M có 01 (Một) con chung là Đỗ Lê Diễm T sinh ngày: 06/6/2018. Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng bà H. Bà H có nguyện vọng xin được tiếp tục nhận nuôi cháu Đỗ Lê Diễm T, sinh ngày: 06/6/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021, bà Lê Thị H yêu cầu ông Đỗ Tiến M phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn ông Đỗ Tiến M: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai.

Qua xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Đỗ Tiến M thì Chính quyền địa phương cho biết: Năm 2020 Ban tự quản thôn có nhận được đơn yêu cầu Hòa giải của bà Lê Thị H và đã mời bà H và ông M để hòa giải. Tuy nhiên, ông M không có mặt tại buổi hòa giải nên chỉ nắm được thông tin từ phía bà H cung cấp. Về mâu thuẫn của vợ chồng: Do vợ chồng không hợp nhau, anh M không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Từ năm 2020, vợ chồng bà Lê Thị H và ông Đỗ Tiến M không còn chung sống với nhau, qua tìm hiểu được biết bà Lê Thị H đi làm ăn xa và không về lại địa phương. Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Diễm T, sinh năm 2018, hiện cháu T đang ở với bà H.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của Pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, về quan hệ hôn nhân cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đỗ Tiến M.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Lê Diễm T, sinh ngày: 06/6/2018 cho bà Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Đỗ Tiến M có nơi cư trú tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Đỗ Tiến M cố tình vắng mặt, tại phiên tòa lần thứ hai ông Đỗ Tiến M vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị H với ông Đỗ Tiến M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K vào ngày 09/10/2017. Hôn nhân của bà H ông Mạnh là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình và địa phương hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng hai bên không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên bà Lê Thị H trở lại đoàn tụ với ông Đỗ Tiến M nhưng không thành. Bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Đỗ Tiến M. Đối với ông Đỗ Tiến M mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến được. HĐXX xét thấy, tình trạng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đỗ Tiến M.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Diễm T, sinh ngày: 06/6/2018. HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Tiến M không hợp tác nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Mạnh. Mặt khác qua xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận: Cháu T từ lúc sinh ra được bà H chăm sóc và hiện nay vẫn đang ở cùng bà H. Bà H có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thu cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà Lê Thị H để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao cháu Đỗ Lê Diễm Thu cho bà Lê Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021, bà Lê Thị H yêu cầu ông Đỗ Tiến M phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T trưởng thành. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên cần chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đỗ Tiến M.

- Về con chung: Giao con chung Đỗ Lê Diễm T, sinh ngày: 06/6/2018 cho ông Đỗ Tiến M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đỗ Tiến M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về nợ chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số AA/2019/0017929 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã E, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Hà

Bản án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã Ea Kuăng, huyện Krông Pắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Hà

